TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2019
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Thanh Dung.

2. Bà Trương Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng -Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoản- Kiểm sát viên.

Ngày 27-02-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST- HNGĐ ngày 20/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 12-02-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị H. Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản C, xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn Đ. Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Bản H, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại đội II, phân trại X, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an. (có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 12/12/2018 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện TC. Nguyên đơn chị Lường Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Quàng Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 16-01-2012 tại UBND xã TL, huyện TC, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nghiện ma túy, uống rượu chè về đánh đập vợ con, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi dẫn đến tình cảm vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chúng tôi đã sống ly thân từ ngày 09-11-2015, đến ngày 12-12-2017 anh Đ bị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La

xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại đội II, phân trại X, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an. Chị Lường Thị H nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau, không thể chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống nên đã viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Tại phiên tòa chị Lường Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

- *Về con chung:* Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung tên là: Quàng Thị Lệ Q- Sinh ngày 16-3-2012; Quàng Thị Kim C- Sinh ngày 26-02-2014. Nay ly hôn nguyện vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Do anh Quàng Văn Đ hiện đang chấp hành án tại đội II, phân trại X, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên tại bản tự khai của anh Quàng Văn Đ tại đội II, phân trại 3, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an khai xác nhận:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Lường Thị H đăng ký kết hôn với nhau từ ngày năm 2010 tại UBND xã TM, huyện TC, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện. Trong quá trình chung sống do anh, chị không hòa hợp với nhau. Nay anh Quàng Văn Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị Lường Thị H xin ly hôn, anh Đinh nhất trí thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Quàng Văn Đ thừa nhận đúng như chị H trình bày có hai con chung tên là: Quàng Thị Lệ Q- Sinh ngày 16-3-2012; Quàng Thị Kim C- Sinh ngày 26-02-2014. Sau khi ly hôn anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết là giao cháu Quàng Thị Lệ Q cho anh Đ được quyền nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70,71,72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị H và anh Quàng Văn Đ.

- *Về con chung:* Đề nghị xử giao cả hai cháu Quàng Thị Lệ Q- Sinh ngày 16-3-2012; Quàng Thị Kim C- Sinh ngày 26-02-2014 cho chị Lường Thị H được trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Quàng Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Chị Lường Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. *Về tố tụng:* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lường Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do anh Quàng Văn Đ hiện đang chấp hành án tại đội X, phân trại 3, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đã tiến hành thủ tục ủy thác thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 97 và Điều 105 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Quàng Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân***:** Chị Lường Thị H và anh Quàng Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La vào ngày 16 tháng 01 năm 2012 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hà và anh Đinh là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Tại bản tự khai của anh Quàng Văn Đ khai anh và chị Lường Thị H đăng ký kết hôn với nhau từ ngày năm 2010 tại UBND xã TM, huyện TC. Tuy nhiên tại giấy chứng nhận kết hôn(bản chính) số: 06/2012, quyển số: 02/2010 do chị Hà cung cấp giữa anh, chị có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TC, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, đến ngày 12-12-2018 anh Đinh bị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại đội X, phân trại 3, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, anh Đ nhất trí thuận tình ly hôn, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lường Thị H được ly hôn với anh Quàng Văn Đ.

[4]. *Về con chung*: Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung tên là: Quàng Thị Lệ Q- Sinh ngày 16-3-2012; Quàng Thị Kim C- Sinh ngày 26-02-2014. Nay ly hôn nguyện vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H

không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của anh Đ là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quàng Thị Lệ Q. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị H có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả hai cháu Q và C cho chị H để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành và những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý và hiện nay cả hai cháu Q; C đang ở với chị H. Mặt khác hiện nay anh Đ đang chấp hành án tại: đội X, phân trại 3, trại giam Yên Hạ, tổng cục VIII, Bộ Công an nên anh Đ không đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Chị Lường Thị H không yêu cầu anh Đinh cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

[6]**.** *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử buộc chị Lơ]ngf Thị Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị H và anh Quàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cả hai cháu Quàng Thị Lệ Q- Sinh ngày 16-3-2012; Quàng Thị Kim C- Sinh ngày 26-02-2014 cho chị Lường Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ18 tuổi, anh Quàng Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Quàng Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lường Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC theo biên lai thu số: AA/2016/0001490, ngày 20-12-2018.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lường Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Quàng Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2 bản);
- UBND xã TL, H.TC;
- Chi cụcTHADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Chiến